

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung danh mục máy móc, thiết bị, vật tư,
nguyên liệu trong nước đã sản xuất được**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Căn cứ văn bản số 5790/BCT-KH ngày 03 tháng 7 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc Hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục bổ sung máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được.

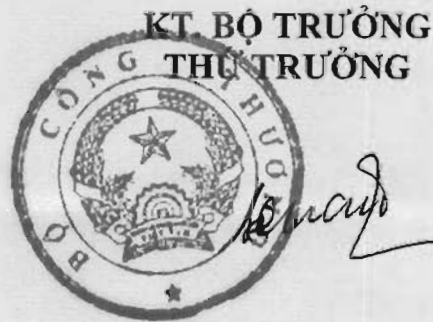
Điều 2. Danh mục này làm căn cứ để các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty và Hiệp hội ngành nghề tiếp tục đề xuất với Bộ Công Thương để điều chỉnh, bổ sung Danh mục phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT; TC; NN&PTNT; Y tế; GTVT; TT&TT; XD; KHCN;
- Ngân hàng Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các TĐ, TCT 90,91, CT thuộc Bộ;
- Website BCT; ✓
- Lưu: VT, KH (3).



Lê Dương Quang

**DANH MỤC BỔ SUNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU
TRONG NƯỚC ĐÃ SẢN XUẤT ĐƯỢC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1371 /QĐ-BCT ngày 19 /02/2014
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*



Mã số theo biểu thuế (*)		Tên mặt hàng	Ký hiệu quy cách, mô tả đặc tính kỹ thuật
Nhóm	Phân nhóm		
8711	20	Xe mô tô	<ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng bản thân: 155kg - Dài x rộng x cao: 2.170 x 890 x 1.120 mm - Loại động cơ: 4 kỳ, 2 xi lanh, làm mát bằng không khí. - Dung tích động cơ đến 233 cm³ - Công suất cực đại: 12kW/8.000 vòng/phút - Lớp trước: 90/90-18, lớp sau: 130/90-15 - Nhiên liệu: xăng không chì có trị số ốc tan 92
8711	20	Xe mô tô chuyên dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng bản thân: 155kg - Dài x rộng x cao: 2.170 x 890 x 1.120 mm - Loại động cơ: 4 kỳ, 2 xi lanh, làm mát bằng không khí. - Dung tích động cơ đến 233 cm³ - Công suất cực đại: 12kW/8.000 vòng/phút - Lớp trước: 90/90-18, lớp sau: 130/90-15 - Nhiên liệu: xăng không chì có trị số ốc tan 92 - Đồng hồ trước, xi nhan trước sau: sử dụng loại đồng hồ lớn, màn hình LCD, băng dải rộng, xi nhan lớn, thùng hành lý, cản trước, thiết kế 2 bên có gọng inox, đèn, còi, loa, bộ đàm. - Hệ thống phát và tích điện: sử dụng loại đặc biệt phục vụ chuyên ngành thường xuyên dùng đèn, còi hụ, loa, bộ đàm. - Ống xả: Sử dụng loại đặc biệt dùng giảm thanh, đạt tiêu chuẩn Euro 3 với hệ thống Catalyst cao cấp. - Sử dụng trong các lĩnh vực: Cảnh sát giao thông, Thanh tra giao thông, Quân sự, Thanh tra xây dựng, Quân cảng, các Công ty Bảo vệ chuyên nghiệp, ...

(*). Mã HS: 8711.20 căn cứ theo Thông tư số 164/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế



www.LuatVietnam.vn